

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG**  
**TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>14 - 33</b>
<b>8. Phụ lục 01</b>	<b>34</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Sóc Trăng thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200177456, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 08 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : (0299) 3.822.354 - (0299) 3.825.900
- Fax : (0299) 3.822.354 - (0299) 3.825.900

**Các đơn vị trực thuộc:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xí nghiệp Môi Trường	170 Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp Công viên Cây Xanh	442 Bạch Đằng, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp Thoát nước	25 Cao Thắng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp Cơ khí - Xây dựng	369 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp Liên hợp xử lý chất thải rắn	xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên và xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
Ban quản trang An viên Thiên Đường	ấp Phú Ninh, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Cửa hàng Xăng dầu Đô thị	170A Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**Hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Tư vấn xây dựng, tư vấn thiết kế công trình điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Quảng cáo;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Khách sạn;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Trồng cây xanh, hoa kiểng;
- Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh;
- Bán buôn thùng rác công cộng;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Sản xuất cuốc, xẻng;
- Xử lý rác thải không độc hại;
- Xử lý rác thải độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

## Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ông Trần Quốc Sở	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Đức Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bà Lê Thị Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Võ Thị Phương Ngân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bà Trần Tuyết Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bà Huỳnh Thị Thùy Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2017

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lâm Hữu Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2018
Ông Vương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Khôi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2018
Ông Đặng Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2018
Bà Đoàn Thị Bích Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2019
Ông Đậu Đức Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lâm Hữu Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2018).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**Lâm Hữu Tùng**  
**Chủ tịch**

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0078/20/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Cần Thơ**



---

**Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

---

**Nguyễn Hữu Nghi - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>126.110.818.199</b>	<b>161.690.912.783</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>9.563.914.598</b>	<b>30.884.109.658</b>
1. Tiền	111		9.563.914.598	29.163.596.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.720.513.475
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.900.000.000</b>	<b>5.835.415.786</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	7.900.000.000	5.835.415.786
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>75.398.657.133</b>	<b>90.927.934.490</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.706.032.162	67.016.951.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	26.247.672.543	20.547.033.218
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.444.952.428	3.363.949.527
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>32.681.528.618</b>	<b>33.720.365.571</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	32.681.528.618	33.720.365.571
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>566.717.850</b>	<b>323.087.278</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	566.717.850	323.087.278
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>80.527.930.610</b>	<b>76.207.971.859</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.005.119.508</b>	<b>61.763.787.755</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	66.005.119.508	61.763.787.755
- Nguyên giá	222		93.539.904.046	85.773.679.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.534.784.538)	(24.009.892.174)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.369.000</b>	<b>4.918.609.276</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	21.369.000	4.918.609.276
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	6.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.501.442.102</b>	<b>9.525.574.828</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8.501.442.102	9.525.574.828
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>206.638.748.809</b>	<b>237.898.884.642</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>142.069.048.104</b>	<b>180.709.355.703</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>123.197.595.835</b>	<b>164.478.567.361</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	11.843.715.870	10.710.984.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	57.041.267.498	75.675.148.375
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	8.538.820.614	12.769.381.818
4. Phải trả người lao động	314	V.13	3.481.834.501	1.438.464.755
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	610.935.120	467.316.400
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	11.887.551.055	32.108.672.295
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	27.363.943.598	28.599.843.917
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2.429.527.579	2.708.755.439
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.871.452.269</b>	<b>16.230.788.342</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	18.871.452.269	16.230.788.342
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>64.569.700.705</b>	<b>57.189.528.939</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>64.569.700.705</b>	<b>57.189.528.939</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a	56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18a	923.194.250	423.842.780
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18a	923.194.250	423.842.780
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18a	6.723.312.205	341.843.379
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	341.843.379
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.723.312.205	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>206.638.748.809</b>	<b>237.898.884.642</b>

Sóc Trăng, ngày 06 tháng 3 năm 2020



Lâm Hữu Tùng  
Tổng Giám đốc

Trần Hải Đăng  
Người lập

Đặng Hồng Nghi  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.393.689.734	113.820.982.677
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.393.689.734	113.820.982.677
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.679.602.439	88.248.881.806
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.714.087.295	25.572.100.871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.348.896.229	514.673.053
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.026.790.321	1.058.386.701
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.542.617.659	1.058.386.701
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	243.025.533	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.945.812.231	15.116.713.677
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.847.355.439	9.911.673.546
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8.035.000	14.603.999
12. Chi phí khác	32	VI.8	455.448.765	185.300.615
13. Lợi nhuận khác	40		(447.413.765)	(170.696.616)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.399.941.674	9.740.976.930
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.412.912.268	1.264.121.329
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.987.029.406</u>	<u>8.476.855.601</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-



Sóc Trăng, ngày 06 tháng 3 năm 2020

Trần Hải Đăng  
Người lập

Đặng Hồng Nghi  
Kế toán trưởng

Lâm Hữu Tùng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		124.474.704.108	142.484.190.569
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(55.851.486.272)	(64.982.278.028)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.513.080.331)	(35.547.783.763)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.4	(1.542.617.659)	(1.058.386.701)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	(1.443.709.117)	(650.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.911.606.221	18.824.657.256
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(53.454.895.127)	(91.564.698.221)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.580.521.823</b>	<b>(32.494.298.888)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.9	(9.487.490.910)	(27.153.913.998)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.400.000.000)	(1.640.915.760)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.710.798.412	1.720.513.475
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.998.259.415)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.174.951.913)</b>	<b>(27.074.316.283)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a	43.429.383.528	71.598.023.222
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(48.396.212.328)	(34.784.770.538)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15a	(4.758.936.170)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.725.764.970)</b>	<b>36.813.252.684</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(21.320.195.060)</b>	<b>(22.755.362.487)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>30.884.109.658</b>	<b>53.639.472.145</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>9.563.914.598</b>	<b>30.884.109.658</b>

Sóc Trăng, ngày 06 tháng 3 năm 2020

  
 Trần Hải Đăng  
 Người lập

  
 Đặng Hồng Nghi  
 Kế toán trưởng

  
 Lâm Hữu Tùng  
 Tổng Giám đốc



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do Công ty chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần từ ngày 08 tháng 01 năm 2018. Do đó số liệu năm nay là số liệu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số liệu năm trước là số liệu từ ngày 08 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 324 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 393 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

#### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### **Công cụ, dụng cụ**

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Giá trị lợi thế kinh doanh**

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15

### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 11. **Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.434.762.110	1.833.713.440
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.129.152.488	27.329.882.743
Các khoản tương đương tiền	-	1.720.513.475
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	-	1.720.513.475
<b>Cộng</b>	<b><u>9.563.914.598</u></b>	<b><u>30.884.109.658</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	7.900.000.000	7.900.000.000	5.835.415.786	5.835.415.786
<b>Cộng</b>	<b><u>7.900.000.000</u></b>	<b><u>7.900.000.000</u></b>	<b><u>5.835.415.786</u></b>	<b><u>5.835.415.786</u></b>

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (xem thuyết minh V.16a).

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>				
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	6.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200755178 ngày 19 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu 6.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 6.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã đăng ký.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với công ty con*

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>
Cung cấp dịch vụ	258.927.112
Nhận cung cấp dịch vụ	12.871.768.466

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>284.819.824</b>	<b>336.225.194</b>
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	284.819.824	-
Công ty TNHH Cây xanh Công Minh	-	336.225.194
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>45.421.212.338</b>	<b>66.680.726.551</b>
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng	17.132.317.847	24.913.113.292
Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	6.242.554.093	14.452.007.209
Phòng Quản lý Đô thị Sóc Trăng	11.147.136.662	12.512.559.306
Các khách hàng khác	10.899.203.736	14.803.046.744
<b>Cộng</b>	<b>45.706.032.162</b>	<b>67.016.951.745</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho các người bán khác</i></b>		
Công ty TNHH Dũ Phong	3.469.000.000	3.336.466.500
Văn phòng CES Miền nam Việt Nam	3.462.062.324	1.462.062.324
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thọ	7.915.000.000	7.915.000.000
Establissement A.Menart SPRL	3.937.426.000	3.937.426.000
Fichtner Water & Transportation GMBH	3.572.514.990	-
Các nhà cung cấp khác	3.891.669.229	3.896.078.394
<b>Cộng</b>	<b>26.247.672.543</b>	<b>20.547.033.218</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b>				
Tạm ứng	3.282.887.485	-	2.768.067.585	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	138.344.654	-	575.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	23.720.289	-	20.381.942	-
<b>Cộng</b>	<b>3.444.952.428</b>	<b>-</b>	<b>3.363.949.527</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	791.976.082	-	677.508.665	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.411.857.285	-	33.042.856.906	-
Hàng hóa	477.695.251	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.681.528.618</b>	<b>-</b>	<b>33.720.365.571</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	101.767.387	107.847.391
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	464.950.463	215.239.887
<b>Cộng</b>	<b>566.717.850</b>	<b>323.087.278</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	477.225.781	1.072.481.551
Giá trị lợi thế kinh doanh	6.170.489.939	6.941.801.183
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.853.726.382	1.511.292.094
<b>Cộng</b>	<b>8.501.442.102</b>	<b>9.525.574.828</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.525.978.361	21.956.678.946	48.291.022.622	85.773.679.929
Mua trong năm	-	-	3.534.090.909	3.534.090.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.731.951.587	1.118.688.690	-	10.850.640.277
Góp vốn vào Công ty con	(112.560.000)	-	(6.505.947.069)	(6.618.507.069)
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.145.369.948</b>	<b>23.075.367.636</b>	<b>45.319.166.462</b>	<b>93.539.904.046</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	212.100.000	436.364.000	648.464.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.099.564.888	2.601.327.879	18.308.999.407	24.009.892.174
Khấu hao trong năm	979.517.989	2.258.902.910	4.021.267.975	7.259.688.874
Góp vốn vào Công ty con	(25.888.800)	-	(3.708.907.710)	(3.734.796.510)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.053.194.077</b>	<b>4.860.230.789</b>	<b>18.621.359.672</b>	<b>27.534.784.538</b>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	12.426.413.473	19.355.351.067	29.982.023.215	61.763.787.755
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.092.175.871</b>	<b>18.215.136.847</b>	<b>26.697.806.790</b>	<b>66.005.119.508</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 27.277.642.159 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.16a và V.16b).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Trụ sở xí nghiệp môi trường	142.430.909	2.492.110.000	(2.634.540.909)	-
- Hàng mục chờ thi công kết hợp vệ sinh khu An Viên Thiên Đường	21.369.000	53.706.000	(53.706.000)	21.369.000
- Trụ sở nhà quản lý vườn wòm	4.365.245.731	608.756.000	(4.974.001.731)	-
- Nhà để xe xí nghiệp môi trường	389.563.636	455.290.000	(844.853.636)	-
- Hệ thống điện mặt trời	-	878.688.690	(878.688.690)	-
- Cửa hàng xăng dầu Đô thị	-	1.169.758.402	(1.169.758.402)	-
- Các công trình khác	-	295.090.909	(295.090.909)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.918.609.276</b>	<b>5.953.400.001</b>	<b>(10.850.640.277)</b>	<b>21.369.000</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn****10a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.340.492.924</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	2.340.492.924	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>9.503.222.946</b>	<b>10.710.984.362</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại dịch vụ LMA	470.966.511	1.551.985.107
Công ty TNHH Xây dựng Tân Hương	2.733.498.000	428.232.000
Công ty TNHH Lợi Minh Quang	258.696.300	2.806.927.920
Các nhà cung cấp khác	6.040.062.135	5.923.839.335
<b>Cộng</b>	<b>11.843.715.870</b>	<b>10.710.984.362</b>

**10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng	45.942.969.625	45.565.336.040
Các khách hàng khác	11.098.297.873	30.109.812.335
<b>Cộng</b>	<b>57.041.267.498</b>	<b>75.675.148.375</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác <sup>(*)</sup>	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.043.002.559	5.796.261.555	(4.851.885.211)	-	3.987.378.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp	343.709.117	1.412.912.268	(1.443.709.117)	-	312.912.268
Thuế thu nhập cá nhân	167.192.067	326.632.204	(467.378.304)	-	26.445.967

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Giảm khác<sup>(*)</sup></u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế nhà đất	-	2.911.986	(2.911.986)	-	-
Tiền thuê đất	9.215.478.075	285.150.466	(4.498.807.965)	(789.737.100)	4.212.083.476
Các loại thuế khác	-	3.500.000	(3.500.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>12.769.381.818</u></b>	<b><u>7.827.368.479</u></b>	<b><u>(11.268.192.583)</u></b>	<b><u>(789.737.100)</u></b>	<b><u>8.538.820.614</u></b>

(\*) Điều chỉnh giảm tiền thuê đất theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1519/TB-CT ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Cục thuế tỉnh Sóc Trăng.

### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa 10%
- Dịch vụ công ích (môi trường, thoát nước), thu gom, xử lý rác thải và dịch vụ khác 10%
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, chiếu sáng công cộng, bán mộ phần Không chịu thuế

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận đầu tư số 59121000050 ngày 21 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm thứ 02 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ dự án đầu tư khu liên hiệp xử lý chất thải rắn, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động xử lý chất thải rắn với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm thứ 03 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.399.941.674	9.740.976.930
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.380.480.967	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	12.780.422.641	9.740.976.930
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	12.780.422.641	9.740.976.930
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	2.556.084.528	1.948.195.386
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(945.835.974)	(589.780.868)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(197.336.286)	(94.293.189)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.412.912.268</b>	<b>1.264.121.329</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

***Thuế nhà đất***

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

***Tiền thuê đất***

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo hợp đồng thuê đất.

***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**13. Phải trả người lao động**

Là tiền lương tháng 12 và lương bổ sung còn phải trả người lao động.

**14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tiền thu trước về dịch vụ chăm sóc, bảo quản huyết mộ	610.935.120	467.316.400
<b>Cộng</b>	<b>610.935.120</b>	<b>467.316.400</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí chờ quyết toán nhà máy xử lý chất thải rắn	330.984.433	8.422.162.770
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.063.830	4.760.000.000
Phải trả ngân sách về tài sản nhận bàn giao nhà máy xử lý chất thải rắn	9.018.386.297	14.033.203.867
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.537.116.495	4.893.305.658
<b>Cộng</b>	<b>11.887.551.055</b>	<b>32.108.672.295</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**16. Vay****16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	23.666.940.718	25.179.833.042
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng <sup>(i)</sup>	23.666.940.718	15.522.118.567
Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Sóc Trăng	-	9.657.714.475
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	3.697.002.880	3.420.010.875
<b>Cộng</b>	<u>27.363.943.598</u>	<u>28.599.843.917</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh dịch vụ vệ sinh môi trường; quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước công cộng... với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.2a và V.8).

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.179.833.042	43.429.383.528	-	(44.942.275.852)	-	23.666.940.718
Vay dài hạn đến hạn trả	3.420.010.875	-	3.649.227.797	(3.453.936.476)	81.700.684	3.697.002.880
<b>Cộng</b>	<u>28.599.843.917</u>	<u>43.429.383.528</u>	<u>3.649.227.797</u>	<u>(48.396.212.328)</u>	<u>81.700.684</u>	<u>27.363.943.598</u>

**16b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn phải trả tổ chức khác</b>		
Vay dài hạn ngân hàng	18.871.452.269	16.230.788.342
Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Sóc Trăng <sup>(i)</sup>	18.871.452.269	16.230.788.342
<b>Cộng</b>	<u>18.871.452.269</u>	<u>16.230.788.342</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay vốn ODA thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Sóc Trăng để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng công trình nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng với lãi suất ở mức 0%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 14 năm kể từ ngày ký Hiệp định

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

vay nước ngoài (21/12/2012), thời gian ân hạn là 04 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng 06 tháng một lần vào ngày 25/6 và 25/12. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.649.227.797	3.420.010.875
Trên 01 năm đến 05 năm	14.730.274.468	13.680.043.498
Trên 05 năm	4.188.952.884	2.550.744.844
<b>Cộng</b>	<b><u>22.568.455.149</u></b>	<b><u>19.650.799.217</u></b>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.230.788.342	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	5.870.893.462	27.078.686.726
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(7.427.887.509)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(3.649.227.797)	(3.420.010.875)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	418.998.262	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>18.871.452.269</u></b>	<b><u>16.230.788.342</u></b>

#### 16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.304.777.357	2.275.612.640	(2.482.285.500)	2.098.104.497
Quỹ phúc lợi	48.478.082	-	(48.300.000)	178.082
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	355.500.000	331.245.000	(355.500.000)	331.245.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.708.755.439</u></b>	<b><u>2.606.857.640</u></b>	<b><u>(2.886.085.500)</u></b>	<b><u>2.429.527.579</u></b>

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

##### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	21.775.350.000	21.775.350.000
Công ty TNHH Cây xanh Công Minh	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Lâm Hữu Tùng	6.190.650.000	6.190.650.000
Các cổ đông khác	8.034.000.000	8.034.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>56.000.000.000</u></b>	<b><u>56.000.000.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTST ngày 18 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong năm nay</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông (8,5% vốn điều lệ)	4.760.000.000	4.760.000.000	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế)	423.842.780	423.842.780	-
• Trích quỹ dự phòng rủi ro (5% lợi nhuận sau thuế)	423.842.780	423.842.780	-
• Trích quỹ khen thưởng (01 tháng lương bình quân)	2.513.670.041	2.171.826.662	341.843.379
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (1,5% tháng lương bình quân)	355.500.000	355.500.000	-

Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTST ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế)	: 499.351.470
• Trích quỹ dự phòng rủi ro (5% lợi nhuận sau thuế)	499.351.470
• Trích quỹ khen thưởng (01 tháng lương bình quân)	: 1.933.769.261
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (1,5% tháng lương bình quân)	331.245.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.975.924.894	-
Doanh thu bán mộ phần	1.361.610.865	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	115.056.153.975	113.811.891.768
Doanh thu khác	-	9.090.909
<b>Cộng</b>	<b><u>120.393.689.734</u></b>	<b><u>113.820.982.677</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Cây xanh Công Minh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ	178.287.307	473.474.972

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.757.107.336	-
Giá vốn bán mộ phần	1.881.983.178	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85.040.511.925	88.248.881.806
<b>Cộng</b>	<b><u>90.679.602.439</u></b>	<b><u>88.248.881.806</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	395.083.182	380.970.385
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	55.469.328	133.702.668
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	898.343.719	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.348.896.229</u></b>	<b><u>514.673.053</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.542.617.659	1.058.386.701
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.983.473.716	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	500.698.946	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.026.790.321</u></b>	<b><u>1.058.386.701</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	98.305.050	-
Chi phí vật liệu, bao bì	21.060.844	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.010.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.107.946	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.525.485	-
Các chi phí khác	93.016.208	-
<b>Cộng</b>	<b><u>243.025.533</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.141.248.669	8.892.805.830
Chi phí vật liệu quản lý	616.274.585	647.516.037
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.965.591	63.319.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610.209.384	656.008.951
Thuế, phí và lệ phí	180.618.066	180.618.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.021.111	284.501.619
Các chi phí khác	5.076.474.825	4.391.944.090
<b>Cộng</b>	<b><u>14.945.812.231</u></b>	<b><u>15.116.713.677</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	8.035.000	14.603.999
<b>Cộng</b>	<b><u>8.035.000</u></b>	<b><u>14.603.999</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	455.448.765	185.300.615
<b>Cộng</b>	<b><u>455.448.765</u></b>	<b><u>185.300.615</u></b>
<b>9. Lãi trên cổ phiếu</b>		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.		
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.655.607.809	26.255.372.575
Chi phí nhân công	31.815.154.492	37.828.880.041
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.259.688.874	7.165.029.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.928.059.794	9.341.825.966
Chi phí khác	33.071.532.853	22.317.649.261
<b>Cộng</b>	<b><u>100.730.043.822</u></b>	<b><u>102.908.757.825</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.050.024.986	2.148.999.984
Tiền thưởng	242.070.000	334.980.000
Thù lao	192.000.000	240.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.484.094.986</u></b>	<b><u>2.723.979.984</u></b>

## 1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	Công ty con
Công ty TNHH Cây xanh Công Minh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3 và V.10a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ công ích, xử lý rác thải, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán hàng hóa và mộ phần. Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm 2019 chiếm tỷ trọng khoảng 04%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



**Trần Hải Đăng**  
Người lập



**Đặng Hồng Nghi**  
Kế toán trưởng

Sóc Trăng, ngày 06 tháng 3 năm 2020



**Lâm Hữu Tùng**  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	-	-	-	56.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	8.476.855.601	8.476.855.601
Trích lập các quỹ	-	423.842.780	423.842.780	(3.375.012.222)	(2.527.326.662)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.760.000.000)	(4.760.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>423.842.780</b>	<b>423.842.780</b>	<b>341.843.379</b>	<b>57.189.528.939</b>
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	423.842.780	423.842.780	341.843.379	57.189.528.939
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	9.987.029.406	9.987.029.406
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	499.351.470	499.351.470	(3.605.560.580)	(2.606.857.640)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>923.194.250</b>	<b>923.194.250</b>	<b>6.723.312.205</b>	<b>64.569.700.705</b>

Đơn vị tính: VND



**Trần Hải Đăng**  
Người lập



**Đặng Hồng Nghị**  
Kế toán trưởng



**Lâm Hữu Tùng**  
Tổng Giám đốc

